

# PHÁC THẢO MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN TRONG TRIẾT LÝ GIÁO DỤC CỦA JOHN DEWEY

NGUYỄN THỊ LUYỆN (\*)

## TÓM TẮT

*John Dewey là một triết gia, nhà giáo dục, nhà tâm lý học người Mỹ nổi bật những thập niên đầu của thế kỷ XX. Triết lý giáo dục của J. Dewey đã được vận dụng ở nhiều quốc gia có nền giáo dục phát triển trên thế giới như Nhật, Trung Quốc, Liên Xô (cũ), Ấn Độ, Mỹ... Trong hệ thống các quan điểm về giáo dục của Dewey, lý luận về nhà trường và xã hội, về chủ thể giáo dục (người dạy và người học), chương trình và phương pháp giáo dục... của ông có giá trị thực tiễn cao. Đặc biệt, Việt Nam đang trong giai đoạn đổi mới hoàn thiện về lý luận và thực tiễn giáo dục thì việc tiếp thu lý luận giá trị và phù hợp trong triết lý giáo dục Dewey là hết sức cần thiết.*

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

John Dewey (1859 - 1952) cả cuộc đời nghiên cứu và làm việc ông đã để lại một công trình đồ sộ về triết học, khoa học, tâm lý, giáo dục. Một loạt tác phẩm về giáo dục như *Hứng thú trong hoạt động tập thể của Will, Trường học và xã hội, Trẻ em và chương trình giảng dạy, Cách chúng ta nghĩ, Trường học tương lai, Dân chủ và Giáo dục, Tín ngưỡng sự phạm...* Ông được xem là một trong mười hai nhà cải cách giáo dục tiêu biểu trên thế giới được tổ chức văn hóa, khoa học và giáo dục Liên Hiệp Quốc (UNESCO) công nhận.

Việt Nam là quốc gia đang phát triển, chịu sự ảnh hưởng đáng kể từ nền giáo dục của nhiều nước, trong đó phải kể đến giáo dục

Mỹ. Vì vậy giáo dục Việt Nam bên cạnh nguyên tắc riêng phù hợp với đặc điểm văn hóa xã hội thì cũng không nằm ngoài những vấn đề chung của nền giáo dục của thời đại ngày nay.

Gần đây, các nhà giáo cũng như các nhà lý luận giáo dục Việt Nam quan tâm và đề cập tới quan điểm giáo dục của J. Dewey với tinh thần tiếp thu, trọng thị. Trong *Triết lý giáo dục thế giới và Việt Nam*, GS.VS.NGND. Phạm Minh Hạc nhận xét: “Cảm nhận đầu tiên tôi thấy cần nêu ra đây là tác phẩm viết cách đây vừa đúng 96 năm, trong xã hội Mỹ với ba đặc điểm: tiến bộ khoa học, cách mạng công nghiệp, phát triển dân chủ, với tư tưởng chủ đạo “tái tổ chức lại xã hội phụ thuộc vào tái kiến tạo nền giáo dục”, nhắc nhở cả xã hội, các nhà chính trị, các nhà quản lý xã hội, cần nhận thức đúng vai trò, chức năng của giáo dục. Ngày nay, vào thập kỷ thứ hai thế kỷ XXI, các đặc điểm đó đang biểu hiện trước mắt chúng ta, các tư tưởng, lời chỉ dẫn, lời khuyên còn nguyên tính thời sự” (Phạm Minh Hạc, 2013, tr. 265).

## 2. MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN TRONG TRIẾT LÝ GIÁO DỤC DEWEY

### 2.1. Quan điểm của Dewey về nhà trường và sự phát triển xã hội

Theo J. Dewey, xây dựng một xã hội tiến bộ không nhất thiết phải thực hiện một cuộc cải cách xã hội, mà cần cải cách trong chính trường học. Trường học, mà ở đó học sinh đều được tự do khẳng định mình, đều bình

(\*) Thạc sĩ. Trường Cán bộ quản lý giáo dục Thành phố Hồ Chí Minh.

đẳng như nhau, tự xác định được cuộc sống đúng đắn từ đó sẽ hình thành một xã hội tốt đẹp hơn. Việc hình thành một tính cách nhất định của cá nhân là nền tảng xác định cho cách sống đúng đắn, và đồng nhất cách sống đúng đắn đó với xu hướng tiến bộ xã hội. John Dewey lí luận rằng, cá nhân đạt tới sự nhận thức về cái tôi của mình thông qua việc tận dụng năng lực riêng để đóng góp cho lợi ích cộng đồng. Do đó, nhiệm vụ mấu chốt của giáo dục trong xã hội tiến bộ là giúp cho người học phát triển tính cách, thói quen và phẩm chất từ đó người học nhận thức được cái tôi của mình. Nếu trong trường học, học sinh đều phải đồng loạt đọc những cuốn sách như nhau và học thuộc lòng những bài học giống hệt nhau thì sẽ có khuynh hướng hạn chế tính sáng tạo của học sinh, ngược lại, sẽ khuyến khích sự cạnh tranh, ganh đua, thói ích kỷ vì muốn hơn bạn và sợ bạn hơn mình. Trong hoàn cảnh đó, học sinh sẽ mất dần những động lực giao tiếp và người thầy sẽ không thể tận dụng được những nhu cầu tự nhiên của học sinh như cho, làm và phục vụ. Phong cách giao tiếp tích cực của học sinh khi đó bị thay thế bởi những động cơ và tiêu chuẩn mang tính cá nhân như nỗi sợ hãi, tính ganh đua, cạnh tranh và sự phán xét về vị trí xã hội cao thấp. Dẫn đến hậu quả những học sinh kém cỏi hơn sẽ mất dần nhận thức về năng lực của mình, thay vào đó là sự tự ti, mặc cảm, trong khi những học sinh nổi trội hơn sẽ càng hãnh tiến, không phải bởi năng lực của mình mà bởi các em đã nhận thức được thế mạnh của bản thân. Vì vậy, không thể khuyến khích theo hướng chủ nghĩa cá nhân mà nhà trường phải được tổ chức dưới hình thức một cộng đồng mang tính chất hợp tác để ở đó, nhiệt tình giao tiếp và sự tự tin của học sinh được bồi dưỡng và phát huy. Muốn giáo dục đáp ứng được mục tiêu phát triển xã hội, nhà trường phải trở thành một thể chế, trong đó trẻ được sống, được tham gia vào đời sống cộng đồng, nơi

các em cảm thấy mình được hoà nhập và đóng góp.

Với quan điểm về nhà trường và sự phát triển xã hội như trên, J. Dewey cho rằng nhà trường phải đáp ứng được 4 yêu cầu cơ bản sau:

+ *Tổ chức cho học sinh tích cực tham gia các hoạt động.* Lý thuyết (bài học trên lớp) sẽ đem lại nhận thức không hoàn toàn chính xác và không đầy đủ về thực tiễn. Và điều này sẽ ảnh hưởng đến khả năng suy nghĩ đúng của học sinh. J. Dewey cho rằng, ý tưởng phải đến trước bất cứ điều gì khác để định hướng hành động, mà ý tưởng thường xuất phát từ hoạt động trong quan hệ xã hội. Vì vậy, việc tổ chức các hoạt động với sự tham gia tích cực của học sinh là vô cùng ý nghĩa. Đây chính là nhiệm vụ đặt ra trong mỗi nhà trường để quá trình giáo dục đạt kết quả tốt.

+ *Phác thảo một thông điệp ấn tượng.* Hình ảnh về thầy cô, về ngôi trường, bè bạn là rất quan trọng trong cuộc sống của mỗi con người. Hình ảnh này như một liệu pháp cho tâm hồn trong sáng được bồi đắp trong quá trình hoàn thiện nhân cách của mỗi cá nhân. Mục đích xã hội sẽ đạt được khi càng có nhiều cá nhân tiến tới chân giá trị của một xã hội tốt đẹp.

+ *Giáo viên hết lòng vì lợi ích của học sinh.* Sự tận tâm của thầy cô quyết định nhiều đến kết quả giáo dục. Vì vậy, tình cảm người thầy, lòng yêu nghề và trách nhiệm giáo dục là sức mạnh và mỗi thầy cô phải nuôi dưỡng nó.

+ *Đem lại cảm xúc chào mừng khi học sinh tới trường.* Học sinh vui mừng và thích thú khi tới trường có ý nghĩa quan trọng, tác động không nhỏ đối với kết quả học tập của các em. Tới trường học sinh được vui chơi, được tìm hiểu và khám phá ra những điều mới mẻ từ thầy cô và bạn bè, từ tài liệu sách

vở hay từ thư viện, phòng thí nghiệm đều đem lại sự hứng thú cho các em. Như vậy, nhiệm vụ của thầy cô và nhà trường phải duy trì được không khí này để các em tích cực trong học tập.

Quan điểm của J. Dewey về nhà trường và người thầy (được phác họa trong cuốn *Tín ngưỡng sư phạm*) không chỉ dừng lại ở mục tiêu xã hội hiện tại, mà còn thể hiện mong ước đối với tương lai, đó là những tác nhân cải tổ chứ không phải tác nhân tái tạo xã hội. Vì lẽ đó, nhà trường nhất thiết phải được tổ chức lại.

## 2.2. Người thầy và chương trình giảng dạy

### 2.2.1. Nhiệm vụ cơ bản của người thầy đối học sinh và chương trình học

Trong hoạt động giáo dục, ngay từ đầu, J. Dewey đã khẳng định vai trò hết sức quan trọng của người thầy. Vì vậy, bên cạnh việc đảm bảo cho học sinh có một môi trường hoạt động tích cực thì J. Dewey cũng nhấn mạnh sự tích cực trong quản lý giáo dục và sự tích cực của từng người thầy. Quan điểm này được J. Dewey vận dụng chính trong Trường học thực nghiệm do ông sáng lập ra. Tại Trường học thực nghiệm, hàng tuần giáo viên cùng nhau thảo luận và lập kế hoạch làm việc, chính giáo viên đóng một vai trò tích cực trong việc hình thành chương trình giảng dạy của trường.

Theo J. Dewey, việc tạo không khí học tập sôi nổi, tích cực trong lớp học là không dễ dàng, nhất là khi giáo viên áp đặt một cách cứng nhắc bài học cho học sinh, vì vậy cần tạo nên một môi trường xã hội thu nhỏ ngay chính mỗi lớp học, trong trường học mà các em đang được học tập để giúp học sinh nhận thức được trách nhiệm sống theo đạo đức tiến bộ. J. Dewey giải thích rằng, nếp sống đó được duy trì khi tự cá nhân người học nhận thức được sâu sắc

mục đích chúng đang hướng tới, để từ đó hăng say dốc sức theo đuổi. Vì vậy vai trò và trách nhiệm của người thầy hết sức nặng nề, J. Dewey không thể tìm được từ nào để diễn tả vai trò vị trí của người thầy hơn ngôn ngữ của sách phúc âm, gọi người thầy là “người trợ giáo trong vương quốc đích thực của Chúa” (Nhiều tác giả, 2005, tr. 80). Người thầy có vị trí vô cùng quan trọng. Người thầy phải phù hợp với xu thế phát triển của thời đại và hiểu được mục đích xã hội đặt ra. “Nếu như hiểu tình huống tôi mong muốn các thầy cô giáo, các bậc cha mẹ, những người tiến hành giáo dục hãy thấu hiểu các lực lượng xã hội và các phong trào thời đại chúng ta và vai trò của các trường học. Điều này không thể hoàn thiện nếu như các giáo viên không nhận thức được mục đích xã hội” (J. Dewey, 1977). Bên cạnh đó, người thầy nắm vững đối tượng mà mình trực tiếp tác động - các em học sinh với tâm lý, hoạt động và nhu cầu phát triển.

J. Dewey nhận định, khi tới trường học trẻ em không phải là những tờ giấy trắng để giáo viên ghi lên đó những bài học về văn minh. Cho đến thời điểm một đứa trẻ đi học các em đã hết sức nhanh nhẹn, và nhiệm vụ của giáo dục là nắm bắt những hoạt động của học sinh và định hướng những hoạt động đó. Khi trẻ em bắt đầu tới trường các em đem theo mình bốn “nhu cầu bẩm sinh” cơ bản như: nhu cầu giao tiếp, nhu cầu xây dựng, nhu cầu tìm tòi và nhu cầu biểu lộ theo những hình thức tinh tế hơn. Đây là những nguồn tài nguyên tự nhiên, nguồn sống chưa được đầu tư, khi đưa vào sử dụng sẽ phụ thuộc vào sự trưởng thành tích cực của học sinh. Học sinh cũng mang đến trường mối quan tâm và những sinh hoạt trong gia đình và nhiệm vụ của giáo viên là phải tận dụng được “nguyên liệu thô” này, bằng cách hướng các hoạt động trong trường học của các em đến những “kết quả có giá trị”. Như

vậy, trong trường học học sinh có thể phát huy tính cách không phải xuất phát từ khả năng tự phát và sơ khai của các em, mà là môi trường lớp học chứa đựng những phương tiện trung gian, người thầy giữ vai trò chủ đạo, biến khả năng bẩm sinh của học sinh thành hiểu biết xã hội và phản xạ nhanh nhạy.

### 2.2.2 Người thầy với nhiệm vụ “tâm lý hóa” chương trình giảng dạy

Về mối quan hệ giữa chương trình và phương pháp giảng dạy, J. Dewey không ủng hộ phương pháp giáo dục “Lấy nội dung giảng dạy làm trung tâm” hoặc phương pháp “Lấy người học làm trung tâm”. Với phương pháp “Lấy nội dung giảng dạy làm trung tâm”, thì kết quả giáo dục phụ thuộc vào nội dung môn học, học sinh đơn giản chỉ có việc “tiếp thu và thừa nhận”, việc giáo dục học sinh được coi là hoàn thành khi học sinh trở nên dễ sai khiến và dễ uốn nắn. Ngược lại, phương pháp “Lấy học sinh làm trung tâm” thì sự giáo dục theo chủ đề phải tuân theo sự phát triển tự nhiên, không gò ép của học sinh vì biểu hiện của những thôi thúc bản năng của học sinh là điểm khởi đầu, điểm trọng tâm và điểm kết thúc. Ông cho rằng, đối với học sinh, vấn đề là làm sao nắm bắt được quá trình thực nghiệm của các em đã chứa sẵn trong các yếu tố - những thực tế và chân lý - chính là các yếu tố cấu thành chương trình học theo hệ thống, và điều quan trọng hơn là phương thức, mà các yếu tố như thái độ, động lực và hứng thú của trẻ được kết hợp và phát huy trong quá trình thực hành. Chính các yếu tố đó có vai trò trong việc phát triển và tổ chức chủ đề môn học trong phạm trù thực hành đó. Còn xét về việc học, cần coi đó là sản phẩm tự nhiên của những tác nhân vận động xuyên suốt quãng đời của người học, và cần phát hiện những giai đoạn xem giữa quá trình từ thực nghiệm hiện tại đến sự trưởng thành của học

sinh sau này. Như vậy, cả chương trình học và học sinh đều phụ thuộc rất nhiều vào vai trò và khả năng của người thầy thông qua tổ chức thực nghiệm thực hiện mục đích giáo dục định hướng phát triển học sinh.

Để gắn kết chương trình học với những hứng thú và hoạt động của học sinh, thì những mục tiêu và hứng thú này phải được giáo viên sử dụng để hướng dẫn học sinh tìm hiểu khoa học, lịch sử và nghệ thuật. *“Trên thực tế, hứng thú chính là thái độ đối với những thực nghiệm có thể xảy ra; chúng không phải là thành quả; giá trị của chúng nằm ở ảnh hưởng của chúng tạo ra, chứ không phải ở thành quả chúng thể hiện”* (Nhiều tác giả, 2005, tr. 76). Chương trình học dựa trên những trải nghiệm của con người và vì thế, được tạo ra để khuyến khích học sinh thử nghiệm trong các hoạt động của mình.

J. Dewey tin rằng một trường học nên nhấn mạnh chương trình thực hành cũng như khả năng của học sinh, không chỉ đơn thuần là chương trình giảng dạy. *“Chúng ta cần thấy học là một trải nghiệm xã hội, theo tín ngưỡng này. Giáo viên lựa chọn những kinh nghiệm liên quan để hướng dẫn từng trẻ em thông qua quá trình giáo dục. Kết quả về sự tiến bộ của học sinh được đánh giá và phân loại. Kỳ thi sẽ được sử dụng để đặt hàng xã hội chứ không phải bảo trì cá nhân”* (J. Dewey, 1897). J. Dewey bác bỏ ý tưởng về một hệ thống giáo dục trong đó thông qua kết quả kiểm tra học sinh để đánh giá “trí tuệ” hay định hướng “nghề nghiệp”, ông cho rằng một môi trường nơi mà học sinh có thể tìm hiểu thông qua bối cảnh của sự tương tác, chơi và khám phá trong một bầu không khí đa văn hóa với học sinh đến từ tất cả các tầng lớp xã hội. Điều này hoàn toàn trái ngược với phương pháp giảng dạy của sự sao chép câu chữ và lặp đi lặp lại.

Như vậy, một yêu cầu khó khăn đặt ra đối với giáo viên là “đưa chủ đề của chương trình học vào kinh nghiệm thực tế”. Giáo viên “tâm lý hóa” chương trình học bằng cách tạo ra một môi trường, trong đó những hoạt động của học sinh có thể chứa đựng cả những tình huống khó giải quyết. Để giải quyết vấn đề khó học sinh cần phải vận dụng đến kiến thức và kỹ năng về khoa học, lịch sử và nghệ thuật... Trên thực tế, chương trình học chỉ cho giáo viên đâu là khả năng, đâu là hoàn thiện trong chân lý, trong cái đẹp và trong cách cư xử mở ra cho người học. Tiếp đó, cần đảm bảo những điều kiện sao cho chính những hoạt động riêng của học sinh cũng dần dần tiếp theo hướng nêu trên cho tới cực điểm. Để giáo viên có thể dạy theo phương pháp này, chi phối sự phát triển của học sinh một cách gián tiếp, trước tiên họ phải là người có kỹ năng chuyên môn cao, hiểu biết thấu đáo chủ đề họ giảng dạy, được đào tạo về tâm lý học giáo dục, và khéo léo trong kỹ thuật, đưa ra những tác nhân kích thích cần thiết để chủ đề giảng dạy trở thành một phần trong sự trải nghiệm ngày càng mở rộng của học sinh.

Với mục đích giáo dục và nhiệm vụ đặt ra đối với người thầy như trên, J. Dewey cho rằng, hầu hết các giáo viên không có được kiến thức và kỹ năng cần thiết để dạy học theo phương pháp này, nhưng ông tin chắc rằng, họ có thể học và làm được điều này cùng với sự nỗ lực và lòng yêu nghề.

### **2.3. Đào tạo về cách thức tư duy (The training of thinking)**

Theo J. Dewey, mối quan hệ giữa dạy và học như một phương trình. Theo phương trình này, cách duy nhất để tăng việc học tập của học sinh là tăng cường số lượng và chất lượng giảng dạy của giáo viên.

Bởi việc học là một việc mà học sinh phải tự làm và làm cho mình, người học phải

chủ động. Giáo viên là người hướng dẫn và định hướng; người thầy lái thuyền, nhưng năng lượng đẩy thuyền phải đến từ những học sinh. Giáo viên càng hiểu về những kinh nghiệm trong quá khứ, về hy vọng, mong muốn và lợi ích của học sinh, giáo viên sẽ hiểu hơn ý nghĩa công việc hướng dẫn học sinh hình thành thói quen phản xạ. Vì theo ông, người lớn thường rơi vào bẫy kinh nghiệm và được mãn nguyện với những gì xảy ra, còn với trẻ em, thế giới luôn đổi mới, có cái gì đó đáng sợ nhưng cũng đáng khám phá trong mỗi mối liên hệ mới và các em đang hăm hở tìm kiếm, không chỉ một cách đơn thuần là thụ động chờ đợi và chịu đựng. Trẻ muốn có cơ hội để được hoạt động, và chúng cần một số đối tượng để hành động. Toàn bộ các khuynh hướng hoạt động bắt đầu từ sự tò mò. Và sự tò mò cũng như những thắc mắc khi có câu trả lời là yếu tố cơ bản trong việc tích lũy các kinh nghiệm và do đó, là nhân tố quan trọng để phát triển thành tư duy phản ánh.

Như vậy, từ nguồn nguyên liệu của tư duy này, vai trò của người lớn, của nhà giáo dục phải sử dụng nó để làm phát huy chúng theo trật tự, đúng định hướng, để thấy được “*sự cần thiết phải suy nghĩ để thực hiện những gì vượt ngoài suy nghĩ là mạnh hơn suy nghĩ về lợi ích riêng*” (Dẫn theo Rattner, 1939, Tr. 615).

J. Dewey cho rằng, tư duy của trẻ là quá trình đi từ những điều quan sát thấy, nhớ được, nghe được, đọc được gợi lên những ý tưởng và hướng trí óc đến một kết luận hợp lý. Như vậy, những câu hỏi, chủ đề, tình huống khơi gợi sự ham hiểu biết, hình thành thói quen khám phá và kiểm nghiệm, nâng cao sự nhạy bén trước câu hỏi đặt ra, thích khám phá những vấn đề khó khăn chưa được giải đáp... quá trình này được hình thành trong đầu theo một trật tự phát triển và tích lũy từ đó giúp nâng cao sở trường, năng

lực chứng minh, về mọi yếu tố quan sát thấy và đề xuất được các vấn đề tiếp theo. Theo J. Dewey: *“Tư duy không phải là một quá trình tinh thần riêng biệt mà là một phương thức trong đó rất nhiều đối tượng được quan sát thấy và đề xuất được các vấn đề tiếp theo, cách mà chúng tiếp tục tồn tại cùng nhau và được làm cho tồn tại cùng nhau, cách mà chúng được luận giải, do đó, mọi chủ đề, câu hỏi thuộc về trí tuệ chứ không phải trong bản năng mỗi người”* (Dewey, 1933, tr. 35-57).

J. Dewey cho rằng, *phương pháp để hình thành* những thói quen tư duy phản biện là xây dựng các điều kiện để định hướng tìm tòi; thiết lập những mối liên kết về những gì đã trải nghiệm, trên cơ sở đó xuất hiện những đề xuất (ý tưởng mới), từ đó liên hệ với các dữ kiện, tình huống khác tạo sự liên tục trong chuỗi ý tưởng.

Một thực tế cho thấy, trẻ em thường bị yêu cầu im lặng khi các em đặt câu hỏi; các hoạt động tìm hiểu, khám phá của các em thường bất tiện đối với người lớn và thầy cô và do vậy, các em được đối xử như những người hay làm phiền; học sinh được dạy ghi nhớ nhiều thứ vì thế những kết giao bằng lời một chiều được thiết lập thay vì những kết nối linh hoạt với chính những điều đó; không có các câu hỏi và chủ đề được cung cấp, điều đó buộc học sinh phải dự đoán những điều mình chưa biết, và như vậy học sinh không thể thiết lập được những đề xuất của mình. Vấn đề là không chỉ hình thành tư duy trực tiếp thông qua các bài tập mà giáo viên cung cấp cho học sinh mà ở chỗ, giáo viên thiết lập chương trình giảng dạy để định hướng tư duy (hình thành tư duy gián tiếp - tư duy phản ánh) của học sinh.

Về việc đào tạo thói quen tư duy, vai trò của giáo viên là vô cùng quan trọng. Một mặt, người giáo viên phải là một học sinh có những thói quen và đặc điểm riêng, mặt khác

người giáo viên phải là một học sinh với các điều kiện hỗ trợ đa chiều (nhận biết và đánh giá được cả xu hướng tốt và xu hướng xấu). Người giáo viên cần phải nhận thấy rằng phương pháp giáo dục bao gồm không chỉ những gì mà người giáo viên đó nghĩ ra một cách có chủ đích và áp dụng cho mục đích đào tạo tinh thần, mà còn bao gồm cả những gì người giáo viên thực hiện mà không có sự xem xét có ý thức về điều đó - Mọi thứ trong bầu không khí và cách quản lý của nhà trường tác động theo mọi cách đến tính tò mò, sự đáp lại và hoạt động có trật tự của học sinh. “Người giáo viên là một học sinh thông minh cả về hoạt động tinh thần riêng biệt và những ảnh hưởng của các điều kiện nhà trường đến các hoạt động đó có thể được tin tưởng lựa chọn các phương pháp hướng dẫn của chính người giáo viên đó về khía cạnh mang tính kỹ thuật hơn và hẹp hơn - các phương pháp thích ứng tốt nhất nhằm đạt được các kết quả trong các môn học cụ thể như môn tập đọc, địa lý, hoặc đại số” (Dẫn theo Rattner, 1939, Tr. 619).

#### 2.4. Nghệ thuật giáo dục (The Art of Education)

J. Dewey đề cập đến nghệ thuật giáo dục, theo ông: *“Cần thực hiện sự liên hệ chặt chẽ giữa tâm trí và hành động trong triết học và khoa học, trong nghệ thuật, và trên tất cả mọi nghệ thuật - nghệ thuật giáo dục”* (Dẫn theo Ratner, 1939, Tr.605).

J. Dewey xem giáo dục là nghệ thuật vì giáo dục là điều bắt buộc đối với tất cả mọi người, bất kể người đó có yêu thích giáo dục hay không, vì muốn hay không thì giáo dục cũng liên quan tới hành vi của người đó. Như vậy, để thúc đẩy nghệ thuật giáo dục phát triển - hay cụ thể hơn, giáo dục của nhà trường đạt hiệu quả, việc học tập của học sinh được cải thiện không chỉ cần người thầy thực hiện chức năng đào tạo tốt mà còn phụ thuộc vào nhà trường với vai trò tổ chức, cha

mẹ học sinh, nhà đầu tư giáo dục và mục tiêu giáo dục đặt ra. Và thậm chí, nhà đầu tư giáo dục có thể làm chệch hướng các kế hoạch giáo dục tốt nhất được đưa ra. Điều này sẽ làm ngành giáo dục rơi vào vòng luẩn quẩn do chính những người được giáo dục tạo nên: những thói quen ảnh hưởng sâu sắc đến tiến trình phát triển. Giáo dục chỉ thực sự được xem là chính nó khi vượt ra ngoài tầm với của sự định kiến, sự thiếu hiểu biết và sự thờ ơ - có nghĩa là giáo dục phải tìm ra giải pháp cho con đường phát triển ngắn nhất, và đó chính là tính sáng tạo cần thiết phải có trong giáo dục. Như vậy, để loại bỏ và vượt qua trở ngại để đẩy mạnh giáo dục đi đúng hướng và tăng tính hiệu quả cần phải xác định được mục tiêu của giáo dục, hay nói cách khác, giáo dục phải có sự thống nhất cao giữa tinh thần và thể chất, suy nghĩ và hành động, lý thuyết và thực hành, quan tâm đến hành động cụ thể để giáo dục hướng tới hay chính là sự thống nhất giữa lý luận với thực tiễn. Theo J. Dewey, một nền giáo dục văn hóa là nắm bắt một cách thông minh mục đích và kết quả xã hội.

### 3. TẠM KẾT

Di sản của J. Dewey là quan điểm của ông về một hệ thống giáo dục dẫn đến tiến bộ xã hội, chính là sự phát triển năng lực và kỹ năng của một đứa trẻ để chuẩn bị cho một nghề nghiệp trong tương lai. Tác phẩm về lý luận và kinh nghiệm giáo dục của ông được đọc và xem như cẩm nang để cải thiện hệ thống giáo dục.

Đặc biệt, trong cải cách đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo ở Việt Nam đang hướng tới, với mục tiêu cụ thể là kỹ năng hoạt động của công dân thông qua giáo dục. Hơn nữa, giáo dục của mỗi quốc gia, trên thế giới đều thống nhất cao nguyên tắc tôn chỉ: gắn lý thuyết với thực tiễn (thực tiễn trong nhận thức và thực tiễn trong hành

động), phương pháp dạy học sáng tạo nhằm phát triển tư duy người học, vị trí vai trò đặc biệt của người thầy trong hoạt động giáo dục.v.v. Về khía cạnh này thì quan điểm giáo dục của J. Dewey nêu trên vô cùng cần thiết cho sự nghiệp đổi mới phát triển giáo dục ở nước ta hiện nay.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. John Dewey (1977), *Nhà trường và giáo dục*, Nxb. Lao động, Hà Nội.
2. Nhiều tác giả (2005), *Chân dung những nhà cải cách giáo dục tiêu biểu trên thế giới* (biên dịch theo tài liệu của UNESCO), Nxb. Thế giới, Hà Nội.
3. Phạm Minh Hạc (2013), *Triết lý giáo dục thế giới và Việt Nam*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- 4..J. Dewey (1916), *Democracy and Education*, The Macmillan Company.
- 5..J. Dewey (1838), *Experience and Education*, The Macmillan Company.
- 6..J. Dewey (1897), *My Pedagogic Creed* (*Tín ngưỡng sư phạm của tôi*).
- 7..J. Dewey (1933), *How We Think*, Reprinted by special permission of D. C. Heath and Co.
8. J.Dewey (...), *Body and Mind*, published in Bulletin of the N Y Academy of Medicine, vol. IV.
9. Joseph Ratner (1939), *Intelligence in The Modern World Jonh Dewey's Philosophy*, The Mordern Library, New York.

### ABSTRACT

*John Dewey is one of the philosophers, educators, psychologists prominent in the first decades in 20<sup>th</sup> centuries, and until now, humanity know John Dewey through his point of view in advanced education system. The philosophy of John Dewey has been*

*applied in many countries with developing educational system such as Japan, China, Soviet Union, India and the U.S... In the system of Dewey's educational view points in the philosophy of school and society, and the subjects of educational (leaners and teachers), the program and teaching*

*method... of his have a high-practical value. Especially, at the moment, Vietnam is in the process of revolution and completion of theory and practice of education, the acquiring of theoretical values and conformity in Dewey's philosophy in education is quite necessary.*